

Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ

Đàm Hà, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: chị Đào Thị M, sinh năm: 1992.

Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm: 1988.

Đều cùng nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị M và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Đào Thị M và anh Trần Văn T có 02 (hai) con chung là Trần Đào Quỳnh N, sinh ngày 14/11/2013 và Trần Đào Tuấn K, sinh ngày

23/9/2016. Hai đương sự thống nhất chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung đến khi thành niên, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung đến khi thành niên. Mức cấp dưỡng mỗi con chung là 2.000.000^d (hai triệu đồng)/tháng/01 con chung. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về khoản nợ chung: hai đương sự không có.

- Về án phí: chị Đào Thị M tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm (bao gồm tiền án phí của chị M và anh T) và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004653 ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Quảng An;
- Thi hành án dân sự huyện Đàm Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Khoa